

GS. TS. HOÀNG NAM

Văn hóa dân tộc

VĂN HÓA VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VĂN HÓA DÂN TỘC,
VĂN HÓA VIỆT NAM

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Hoàng Nam

Văn hoá dân tộc, văn hoá Việt Nam / Hoàng Nam. - H. : Khoa học xã hội, 2014. - 268tr. ; 24cm

Thư mục: tr. 264-266

1. Văn hoá 2. Văn hoá dân tộc 3. Việt Nam

306.09597 - dc23

KXH0032p-CIP

GS. TS. HOÀNG NAM

**VĂN HÓA DÂN TỘC,
VĂN HÓA VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2014**

*Văn hóa được tạo ra bởi con người,
cho con người và vì cuộc sống con người*

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	9
1. KHÁI NIỆM VĂN HÓA	11
<i>1.1. Định nghĩa, khái niệm văn hóa</i>	11
<i>1.2. Các thành tố văn hóa</i>	16
2. VĂN HÓA DÂN TỘC	29
<i>2.1. Cội nguồn của văn hóa dân tộc</i>	29
<i>2.2. Tiêu chí phân biệt dân tộc</i>	32
2.2.1. Tên dân tộc	33
2.2.2. Ngôn ngữ dân tộc	34
2.2.3. Phong tục tập quán dân tộc	39
3. VĂN HÓA VIỆT NAM	41
<i>3.1. Văn hóa địa lý - môi trường địa lý ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển văn hóa</i>	41
3.1.1. Vùng văn hóa Việt Bắc	42
3.1.2. Vùng văn hóa Tây Bắc	47
3.1.3. Vùng văn hóa vùng cao phía Bắc	51
3.1.4. Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên	55
3.1.5. Vùng văn hóa đồng bằng Bắc Bộ	59
3.1.6. Vùng văn hóa duyên hải Trung Bộ	61
3.1.7. Vùng văn hóa Nam Bộ	65

3.2. Văn hóa lịch sử - hệ tư tưởng chủ đạo trong tiến trình lịch sử, tác động đến sự hình thành và phát triển văn hóa	69
3.2.1. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên	70
3.2.1.1. Văn hóa Việt Nam thời Bắc thuộc	70
3.2.1.2. Văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ cổ đại	75
3.2.2. Văn hóa Việt Nam thời phong kiến độc lập	76
3.2.3. Văn hóa Việt Nam thời thuộc Pháp (1858 - 1945)	84
3.2.4. Văn hóa Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay	88
3.3. Văn hóa ngôn ngữ dân tộc, cuộc sống tinh thần và phong tục tập quán xã hội	92
3.3.1. Dân tộc và các nhóm ngôn ngữ dân tộc	92
3.3.2. Các nhóm của dân tộc, dân số và quá trình cư trú	97
3.3.2.1. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Việt - Mường (hệ ngôn ngữ Nam Á)	97
3.3.2.2. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Môn - Khmer (hệ ngôn ngữ Nam Á)	100
3.3.2.3. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Tày - Nùng (hệ ngôn ngữ Thái)	110
3.3.2.4. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Thái Việt Nam (hệ ngôn ngữ Thái)	116
3.3.2.5. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Hán (hệ ngôn ngữ Hán - Tạng)	120
3.3.2.6. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Tạng - Miến (hệ ngôn ngữ Hán - Tạng)	123
3.3.2.7. Nhóm văn hóa ngôn ngữ Mông - Dao (hệ ngôn ngữ Mông - Dao)	129

- 3.3.2.8. *Nhóm văn hóa ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo (hệ ngôn ngữ Nam Đảo)* 136
- 3.3.3. *Đặc điểm đời sống tinh thần các dân tộc theo nhóm ngôn ngữ* 141
- 3.3.3.1. *Đời sống tinh thần các dân tộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường* 141
- 3.3.3.2. *Đời sống tinh thần các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer* 150
- 3.3.3.3. *Đời sống tinh thần của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Nùng* 159
- 3.3.3.4. *Đời sống tinh thần của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam (hệ ngôn ngữ Thái)* 167
- 3.3.3.5. *Đời sống tinh thần các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hán* 170
- 3.3.3.6. *Đời sống tinh thần các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến* 174
- 3.3.3.7. *Đời sống tinh thần các dân tộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao (hệ ngôn ngữ Mông - Dao)* 178
- 3.3.3.8. *Đời sống tinh thần của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo* 183
- 3.3.4. *Đặc điểm phong tục tập quán xã hội các dân tộc theo nhóm ngôn ngữ* 192
- 3.3.4.1. *Đặc điểm phong tục tập quán xã hội của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường* 193
- 3.3.4.2. *Đặc điểm phong tục tập quán xã hội của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer* 199
- 3.3.4.3. *Đặc điểm phong tục tập quán xã hội của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Nùng* 210
- 3.3.4.4. *Đặc điểm phong tục tập quán xã hội của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Thái ở Việt Nam* 217

3.3.4.5. Đặc điểm phong tục tập quán các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hán	220
3.3.4.6. Đặc điểm phong tục tập quán các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến	223
3.3.4.7. Đặc điểm phong tục tập quán xã hội các dân tộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao (hệ ngôn ngữ Mông - Dao)	230
3.3.4.8. Đặc điểm phong tục tập quán xã hội các dân tộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai - Đa Đảo	240
LỜI BẠT	250
TÀI LIỆU THAM KHẢO	264

LỜI NÓI ĐẦU

Văn hóa là sản phẩm của con người làm ra, trong ứng xử tự nhiên, ứng xử xã hội. Văn hóa phát triển cùng với sự phát triển của xã hội loài người.

Những dấu vết và hiện vật lao động của con người xưa còn lưu giữ trong lòng đất, mà khảo cổ học đã phát hiện như hòn cuội có dấu vết sử dụng, dấu vết tro than, bàn mài, rìu đá mài, mũi tên đồng, xỉ sắt,... đều được coi là văn hóa. Chính vì vậy, chúng ta có văn hóa Núi Đọ - văn hóa đồ đá cũ, văn hóa Hòa Bình - văn hóa đồ đá giữa, văn hóa Bắc Sơn - văn hóa đồ đá mới,...

Khi xã hội bước vào văn minh, việc xây dựng các thiết chế xã hội, hoạt động tinh thần ngày càng đa dạng, phong phú, thì khái niệm văn hóa chuyển dần sang cách hiểu mới: văn hóa nghiên cứu về những hoạt động tinh thần, chủ yếu là văn học: văn, thơ và nghệ thuật: ca, múa, nhạc, sân khấu, hội họa, điêu khắc và những hiện vật trong các bảo tàng, thư viện.

Từ giữa thế kỷ XIX, cùng với sự phát triển của kinh tế hàng hóa và sự ra đời một số ngành mới của khoa học nhân văn, thì văn hóa được hiểu một cách tổng thể hơn, bao gồm văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội. Cách hiểu này là đúng đắn, cho nên nó ngày càng được tiếp nhận rộng rãi trong nghiên cứu khoa học cũng như trong đời thường. Theo cách hiểu văn hóa đó, từ thế kỷ trước. Liên hợp quốc đã phát động "Thập kỷ văn hóa" trên toàn cầu.

Nước ta là quốc gia nhiều dân tộc, nhiều sắc thái văn hóa. Hiểu ***bản sắc văn hóa truyền thống*** các dân tộc, phát huy ***giá trị lịch sử*** của văn hóa các dân tộc để huy động mọi nguồn lực các dân tộc